

Số: 183/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Mỹ, ngày 31 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2020/TLST-HNGĐ ngày 12-08-2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Lê Cẩm M, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Cao Phước A, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, ấp H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, ấp 1, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A tự nguyện chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015, quyển số 01/2015, ngày 23-6-2015, hôn nhân giữa bà M và ông A là hợp pháp.

Quá trình sống chung đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà M và ông A thường xuyên cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do vợ chồng không tâm đầu ý hợp, tình cảm không hợp nhau. Bà M và ông A đã ly thân từ năm 2016.

Nay tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M và ông A thuận tình ly hôn nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự.

[2] Về con chung: Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A xác nhận vợ chồng có một con chung là Cao Lê Phước Đ, sinh ngày 14-9-2015.

Theo thỏa thuận của bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A giao con chung là Cao Lê Phước Đ cho bà Lê Cẩm M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Cao Phước A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A có một con chung là Cao Lê Phước Đ, sinh ngày 14-9-2015.

Giao cháu Cao Lê Phước Đ cho bà Lê Cẩm M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Cao Phước A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 9 năm 2020 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

Sau khi ly hôn, ông Cao Phước A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0005635 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Lê Cẩm M và ông Cao Phước A đã nộp xong lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX.Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS TX.Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- UBND X.Ninh Phú, TX.Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (Giấy CNKH số: 22/2015, quyền số 01/2015, ngày 23-6-2015);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Việt Hà**